ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2095/TB-UBND	*Thủy Nguyên, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai danh sách dự kiến hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Thủy Nguyên

Căn cứ Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022–2025;

Căn cứ Thông tư 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo;

Căn cứ Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 26/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027- 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 114/KH-SNNMT ngày 28/8/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 25/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026; Trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và biên bản họp dân tại các tổ dân phố trên địa bàn phường; Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên thông báo niêm yết công khai danh sách dự kiến hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai: Danh sách dự kiến hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Thủy Nguyên *(có danh sách kèm theo)*.

2. Địa điểm và hình thức niêm yết: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên và nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các tổ dân phố có hộ thuộc danh sách dự kiến và cổng thông tin điện tử phường.

3. Thời gian niêm yết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày 16/11/2026 đến hết ngày 19/11/2026.

4. Tiếp nhận, xử lý ý kiến: Trong thời gian niêm yết công khai, tổ chức, cá nhân có ý kiến phản ánh, kiến nghị hoặc khiếu nại liên quan đến kết quả rà soát đề nghị liên hệ bà Nguyễn Thị Phương Loan, chuyên viên Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, số điện thoại 0936.839.551 hoặc thông qua Tổ trưởng tổ dân phố để được tiếp nhận, tổng hợp và xem xét, giải quyết theo quy định.

Trường hợp có khiếu nại về kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân phường tổ chức phúc tra và công khai kết quả phúc tra theo quy định.

Hết thời gian niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét, quyết định công nhận danh sách hộ cận nghèo năm 2026 theo quy định.

Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố và Nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- CT, PCT UBND Hoàng Minh Đức;
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THỦY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỘ CẬN NGHÈO PHƯỜNG THỦY NGUYÊN NĂM 2026

(Kèm theo thông báo niêm yết số 2095 ngày 16/11/2026 của UBND phường Thủy Nguyên)

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
1	Đồng Thị Đàn	Nữ	08/10/1951	Hoa Động 1
2	Nguyễn Thị Ty	Nữ	02/06/1934	
3	Đặng Thị Thu Hiền	Nữ	13/07/1974	
4	Phạm Viết Long	Nam	01/01/1961	Hoa Động 2
5	Phạm Hữu Bách	Nam	06/09/1975	
6	Nguyễn Đức Chính	Nam	01/01/1974	
7	Đồng Thị Lệ	Nữ	26/02/1962	
8	Đồng Thị An	Nữ	01/01/1939	Hoa Động 3
9	Đồng Thị Mão	Nữ	29/10/1952	
10	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	18/05/1955	
11	Nguyễn Thị Vân	Nữ	21/04/1959	
12	Nguyễn Thị Lan	Nữ	04/08/1971	
13	Trần Thị Miên	Nữ	15/01/1960	Hoa Động 4
14	Đồng Xuân Hiệu	Nam	01/06/1969	
15	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	01/01/1948	
16	Nguyễn Thị Chấn	Nữ	01/01/1933	
17	Vũ Thị Châu	Nữ	01/01/1986	
18	Ngô Quang Bé	Nam	20/03/1959	Hoa Động 5
19	Nguyễn Thị Luận	Nữ	20/08/1949	
20	Trịnh Thị Thịnh	Nữ	18/08/1945	
21	Đồng Xuân Hùng	Nam	20/10/1971	
22	Nguyễn Thị Tân	Nữ	25/03/1957	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
23	Đoàn Hữu Việt	Nam	27/02/1966	Hoa Động 5
24	Đoàn Hữu Hùng	Nam	30/04/1975	
25	Phạm Thị Tuyệt	Nữ	03/09/1949	
26	Đồng Thị Nguyên	Nữ	19/06/1962	
27	Nguyễn Văn Điệp	Nam	06/04/1952	
28	Trịnh Thị Thùy	Nữ	13/08/1947	
29	Bùi Thị Loan	Nam	01/01/1944	
30	Đồng Thị Nhỉ	Nữ	02/11/1944	
31	Nguyễn Thị Bé	Nữ	29/06/1957	
32	Đồng Xuân Lâm	Nam	07/11/1974	Hoa Động 6
33	Nguyễn Văn Thùy	Nam	28/06/1982	
34	Đồng Xuân Thạo	Nam	07/04/1973	
35	Đồng Thị Anh	Nữ	23/04/1974	
36	Đồng Xuân Giáp	Nam	17/04/1990	
37	Nguyễn Văn Huy	Nam	02/10/1981	Tân Dương 1
38	Đào Thị Xênh	Nữ	05/08/1968	
39	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	24/02/1954	
40	Nguyên Thị Thon	Nữ	25/04/1953	
41	Nguyễn Thị Minh	Nữ	14/11/1959	
42	Nguyễn Thị Chuột	Nữ	01/01/940	
43	Nguyễn Thị Lan	Nữ	06/10/1957	
44	Vũ Thị Thanh	Nữ	30/08/1979	
45	Nguyễn Văn Linh	Nam	04/09/1982	Tân Dương 2
46	Hoàng Thị Điệp	Nữ	05/12/1994	
47	Nguyễn Thị An	Nữ	19/06/1952	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
48	Nguyễn Văn Sơn	Nam	12/12/1982	Tân Dương 2
49	Nguyễn Thị Hải	Nữ	15/04/1967	
50	Phạm Văn Mạnh	Nữ	31/07/1989	
51	Đào Văn Thành	Nam	06/07/1990	
52	Đào Thị Tâm	Nứ	01/05/1967	
53	Giang Thị Hảo	Nữ	04/10/1947	Tân Dương 3
54	Lê Thị Dịu	Nữ	11/06/1975	
55	Đào Văn Úc	Nam	04/02/1959	
56	Lê Thị Xuyền	Nữ	01/01/1949	
57	Đỗ Thị Bé	Nam	01/01/1954	Tân Dương 4
58	Nguyễn Đăng Cương	Nam	05/03/1977	
59	Nguyễn Thị Lan	Nữ	08/04/1960	
60	Nguyễn Thị Liên	Nữ	25/03/1943	
61	Đào Văn Tuấn	Nam	16/06/1980	Thủy Sơn 1
62	Đồng Thị Hoãn	Nữ	23/11/1962	
63	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	02/10/1982	
64	Nguyễn Thị Ngọ	Nữ	03/05/1957	Thủy Sơn 2
65	Đào Thị Mận	Nữ	01/10/1955	
66	Vũ Thị Lân	Nữ	01/01/1946	
67	Phạm Thị Thủy	Nữ	15/06/1965	
68	Phạm Văn Quân	Nam	16/03/1985	Thủy Sơn 3
69	Lê Văn Cường	Nam	12/10/1979	
70	Đào Thị Sim	Nữ	10/02/1960	
71	Nguyễn Thanh Thúy	Nam	12/08/1981	Thủy Sơn 3
72	Lê Thị Thu Phương	Nữ	25/01/1991	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
73	Bùi Thị Minh	Nữ	04/06/1969	Thủy Sơn 3
74	Vũ Thị Hanh	Nữ	05/10/1964	Thủy Sơn 4
75	Lê Đăng Chung	Nam	15/06/1968	
76	Lê Văn Cậy	Nam	30/03/1960	
77	Nguyễn Văn Ba	Nam	06/06/1944	
78	Lê Hữu Dự	Nam	04/04/1963	
79	Lê Thị Loan	Nữ	29/03/1980	
80	Nguyễn Thị Hội	Nữ	15/03/1962	Núi Đèo 1
81	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	03/09/1993	
82	Hà Văn Hòa	Nam	24/04/1990	
83	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	25/05/1975	Núi Đèo 2
84	Nguyễn Thị Đông	Nữ	16/01/1950	
85	Bùi Thị Sim	Nữ	22/12/1951	
86	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	14/03/1988	Thủy Đường 1
87	Nguyễn Thị Tiệp	Nữ	21/08/1976	
88	Lê Văn Quảng	Nam	10/04/1982	
89	Đào Duy Lập	Nam	01/07/1962	
90	Phạm Thị Ninh	Nữ	21/10/1983	
91	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	27/10/1975	
92	Nguyễn Thị Quắc	Nữ	10/05/1940	
93	Nguyễn Văn Cương	Nam	04/06/1977	Thủy Đường 2
94	Nguyễn Thị Gái	Nữ	18/10/1944	
95	Nguyễn Thị Hả	Nữ	01/01/1949	Thủy Đường 2
96	Nguyễn Thị Mai	Nữ	02/02/1957	
97	Lê Thị Thơ	Nữ	29/08/1961	Thủy Đường 3

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
98	Nguyễn Văn Tiến	Nam	30/07/1959	Thủy Đường 3
99	Trần Văn Quý	Nam	17/11/1984	
100	Chu Thị Thái	Nữ	26/12/1989	
101	Trần Văn Khuy	Nam	16/06/1982	
102	Bùi Thị Lượng	Nữ	10/05/1953	
103	Nguyễn Văn Dũng	Nam	05/05/1980	
104	Lê Thị Hợi	Nữ	09/09/1959	
105	Lê Thị Hạnh	Nữ	18/09/1973	
106	Trần Thị Thôn	Nữ	15/02/1961	
107	Lê Thị Loan	Nữ	08/03/1946	Thủy Đường 4
108	Phùng Văn Vi	Nam	27/03/1978	
109	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ	31/07/1980	
110	Đào Thị Chóng	Nữ	20/12/1960	
111	Đào Thị Bão	Nữ	25/07/1954	
112	Nguyễn Thị Xạ	Nữ	22/03/1953	
113	Đào Hữu Bá	Nam	06/06/1949	Thủy Đường 5
114	Nguyễn Thị Liên	Nữ	26/02/1989	
115	Trịnh Thị Diễm	Nữ	20/12/1985	
116	Nguyễn Văn Đương	Nam	06/04/1966	
117	Đào Thị Táp	Nữ	10/09/1957	
118	Nguyễn Thị Hiển	Nữ	15/07/1952	
119	Nguyễn Thị Lý	Nữ	05/06/1961	Thủy Đường 6
120	Vũ Thị Gấm	Nữ	20/10/1978	
121	Nguyễn Thị Tới	Nữ	17/02/1970	
122	Nguyễn Thị Hiển	Nữ	30/08/1954	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
123	Nguyễn Thị Phiển	Nam	21/12/1952	Thủy Đường 6
124	Nguyễn Thị Lý	Nữ	10/07/1954	
125	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	27/05/1955	
126	Nguyễn Tất Vần	Nam	20/01/1963	
127	Đặng Thị Lợi	Nữ	19/10/1986	
128	Nguyễn Thị Đào	Nữ	16/06/1969	
129	Lê Thị Kim Liên	Nữ	18/04/1958	Dương Quan 1
130	Đỗ Thị Trang	Nữ	07/04/2014	
131	Lê Thị Hồng Hiên	Nữ	07/02/1982	
132	Võ Khắc Thuận	Nam	08/02/1969	
133	Lê Thị Huệ	Nữ	02/09/1946	
134	Lê Văn Tuấn	Nam	29/04/1986	
135	Nguyễn Thị Điệu	Nữ	01/01/1940	
136	Nguyễn Văn Khải	Nam	13/06/1959	Dương Quan 2
137	Lê Thị Thu Hoài	Nữ	15/06/1974	
138	Nguyễn Bùi Châu	Nam	22/09/1957	
139	Nguyễn Thị Thái	Nữ	21/03/1955	
140	Tạ Thị Huế	Nữ	25/02/1988	
141	Đào Thị Thống	Nữ	26/05/1958	
142	Lê Hữu Vận	Nam	27/06/1947	Dương Quan 3
143	Nguyễn Thị Thời	Nữ	06/06/1950	Dương Quan 3
144	Bùi Thị Nhẫn	Nữ	20/09/1952	
145	Lê Thị Hà	Nữ	08/05/1958	
146	Trịnh Thị Tanh	Nữ	16/03/1953	
147	Nguyễn Văn Khải	Nam	01/08/1972	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Tổ dân phố
148	Lê Thị Tươi	Nữ	07/11/1958	Dương Quan 3
149	Đinh Thị Ngà	Nữ	06/12/1958	
150	Lê Hữu Xá	Nam	28/09/1993	Dương Quan 4
151	Trịnh Văn Xoe	Nam	05/10/1952	
152	Lê Văn Thông	Nam	22/03/1986	
153	Lê Thị Hiền	Nữ	02/07/1974	
154	Lê Thị Thời	Nữ	10/10/1953	
155	Nguyễn Văn Hải	Nam	20/05/1967	
156	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Nữ	02/01/1994	Dương Quan 5
157	Đặng Thị Có	Nữ	01/01/1982	
158	Lê Kim Độ	Nữ	29/05/1982	
159	Bùi Trung Kiên	Nam	18/05/1982	Vũ Yên
160	Bùi Thị Xoan	Nữ	01/01/1947	
	Tổng: 160 hộ			